

HAI NGƯỜI CON TRAI CỦA PHAN THANH GIẢN (1796 - 1867) QUA TÀI LIỆU MỚI VÀ MỐI LIÊN QUAN VIỆT - PHÁP NỬA CUỐI THẾ KỶ XIX

VIỆT ANH*

Tóm tắt: Đằng sau cuộc đời bi hùng của bậc danh sĩ danh thần triều Nguyễn Phan Thanh Giản, có những câu chuyện đáng kể liên quan đến những người con trai của ông: Phan Liêm và Phan Tôn. Lịch sử chống giặc ngoại xâm của người dân Việt Nam gồm cả Nam Kỳ, lịch sử về những người tù quốc sự bị lưu đày viễn xứ, lịch sử về mối hợp tác Việt - Pháp giai đoạn thuộc địa, là những nội dung chính được thể hiện trong tài liệu lưu trữ về hai nhân vật này. Với việc tài liệu mới nằm trong Lưu trữ hải ngoại Pháp (viết tắt: ANOM) được công bố và phân tích, đồng thời so sánh với những nguồn tài liệu tư liệu khác, nhiều chi tiết trong hành trạng của nhân vật lịch sử được bổ sung, cái nhìn về gia đình họ Phan làng Tân Thạnh được rộng mở, ưu thế và nhược điểm của mỗi nhân tố trong mối tương quan Việt - Pháp được khích lệ nhìn thẳng nói thật.

Từ khóa: Phan Liêm, Phan Tôn, Phan Thanh Giản, ANOM, Việt - Pháp

Abstract: The tragic life of Phan Thanh Gian, the famous scholar and mandarin of the Nguyen Dynasty, carried a remarkable number of stories about his sons: Phan Liem and Phan Ton. Among the archives of these two men, the main information focuses on the history of fighting against foreign invaders of the Vietnamese people including the habitants of Cochinchina, the history of the exiled political prisoners, the history of the Vietnam-France cooperation during the colonial period. Thanks to the newly published document from ANOM, along with other existing sources, a detailed profile of historical figures is added, the perspective of the Phan family is expanded, a straight discussion is also encouraged when discussing the strength and weakness of each factor in the relationship between Vietnam and France during such period.

Keywords: Phan Liem, Phan Ton, Phan Thanh Giản, ANOM, Franco-Vietnam

Dẫn nhập

Đúng với ý “thêm hoa trên gấm”, hai người con trai của bậc danh sĩ Phan Thanh Giản (1796-1867) là Phan Liêm, gọi đầy đủ là Phan Thanh Liêm 潘清簾 (1833-1896) và Phan Tôn, tức Phan Thanh Tôn 潘清蓀 (1837-1893) xứng đáng nối chí cha bằng khí phách trượng nghĩa và tâm thành với nước nhà. Trong bối cảnh nửa sau thế kỷ XIX, khi quốc gia Việt Nam và triều đình quân chủ nhà Nguyễn phải đối diện, nỗ lực chèo chống và phản kháng, rồi từng bước chấp nhận thực tế yếu thế trước sức

mạnh của đế quốc Pháp, gia đình Phan Liêm - Phan Tôn đã trải qua những thử thách khắc nghiệt. Nhiều chi tiết quan trọng trong hành trạng và sự nghiệp của hai anh em Phan Liêm - Phan Tôn từng được đề cập trong chính sử triều Nguyễn, trong sách báo giai đoạn Đông Dương thuộc Pháp, trong một số kết quả công bố chuyên sâu và phổ cập về Nam Kỳ lục tỉnh.

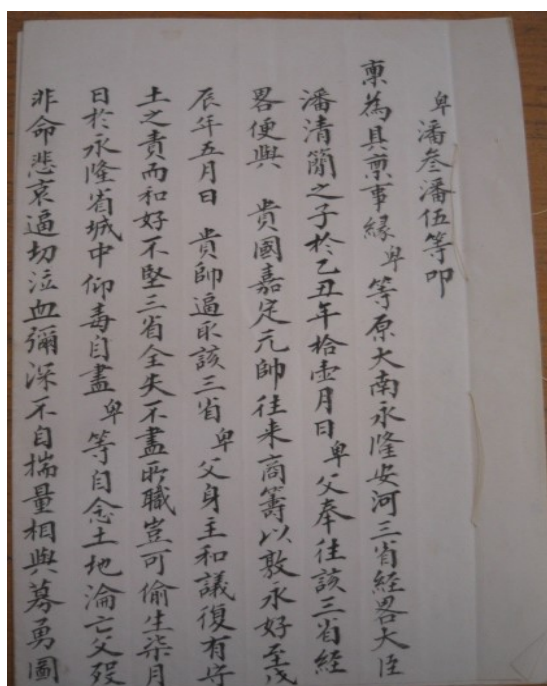
Bên cạnh đó, những tài liệu do chính hai ông tường thuật về một số sự kiện đáng

* TS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm

kể của đời mình, dù là bản sao hay thủ cảo được bảo quản trong Lưu trữ hải ngoại Pháp (Archives nationales d'outre-mer, viết tắt: ANOM), là những chứng cứ nội tại góp phần tái hiện rõ nét không chỉ chân dung hai vị chí sĩ Nam Kỳ. Đây còn là những sử liệu cho thấy tình thế tiến thoái lưỡng nan đối với giới sĩ phu nước Nam đương thời trước những cơn vùn vù đầu tiên báo hiệu thời đại gió Âu mưa Á.

1. Phan Liêm - Phan Tôn trong biến cố nước nhà

Sau cái chết trầm hùng và chồng chất tâm tư của Phan Thanh Giản năm 1867, nhiều biến cố đã xảy đến với hai trong số ba người con trai của vị đại thần triều Nguyễn đáng kính này. Trong tờ bẩm soạn ngày mùng một tháng ba năm Giáp Tuất 1874 với nội dung giải bày và tạ ơn gửi một vị quan chức nước Pháp, Phan Liêm - Phan Tôn ký tên Phan Tam - Phan Ngũ có viết:



Trang đầu tiên của lá đơn viết bằng chữ Hán Nôm mà Phan Liêm - Phan Tôn gửi người đứng đầu tỉnh Toulon (Pháp), năm 1873
Nguồn: Lưu trữ hải ngoại Pháp

“Ngày nào chúng tôi được trở lại nước nhà, sẽ học theo những lợi ích tốt lành của người Pháp, người người tận lực mà sum vầy làm giàu, để thỏa nguyện vọng xưa, thê không cứng rắn với người Pháp như sự việc năm Mậu Thìn (1868) nữa. (V.A dịch)/ 卑等歸至本國之日,當效浪沙至善益利之法,人人盡力而為之咸臻殷富以慰宿昔之願,誓不復與浪沙作梗如戊辰事也”¹.

Phan Liêm là con thứ hai và là trai trưởng của Phan Thanh Giản, được gọi là cậu Ba hoặc ông Ba, nên có khi ký tên

Phan Tam; Phan Tôn là con thứ tư và là trai thứ, được gọi là cậu Năm hoặc ông Năm, nên có khi ký tên Phan Ngũ. Sự việc năm Mậu Thìn 1868 là một trong nhiều điểm nhấn trên hành trình nổi chí cha của hai người con trai: Phan Liêm - Phan Tôn. Hai ông là những người đứng đầu một trong số phong trào Nam Kỳ chống Pháp, trong đó trận Hương Điền diễn ra sau khi Phan Thanh Giản từ trần là sự kiện đáng kể. Trong cuộc tấn công quân Pháp ở chợ Hương Điền (thuộc tỉnh Vĩnh Long xưa),

Phan Liêm - Phan Tôn là thủ lĩnh. Người Pháp đã ghi lại sự kiện này trong lịch sử quân sự Nam Kỳ:

“Ngay từ tháng tám (năm 1868), chính quyền đã được dự báo về ý đồ nổi dậy của những người con của Phan Thanh Giản... Những manh nha của sự phản kháng đã hé lộ ở khắp các nơi. Cánh nổi loạn đầu tiên xuất hiện ở Bến Tre đã đào thoát. Các cuộc bắt bớ đã diễn ra, nhưng những người con của cụ Phan thì đã biến mất khỏi chòm xóm của họ. Từ một phía khác, khoảng ít ngày trước (mùng 5 tháng tám), ngài thanh tra tỉnh Sóc Trăng, Đại úy Bertaux-Levillain đã xảy ra va chạm với một cánh quân nổi loạn. Khoảng hai chục ngày sau đó, hôm 26 tháng tám, cuộc giao chiến với 300 quân nổi loạn đã xảy ra ở chợ Cầu Ngang (tỉnh Trà Vinh). 18 tên giặc bị giết nhưng lực lượng quá chênh lệch, quân Pháp phải rút lui sau khi bị tổn thất 1 viên cai và 3 lính bảo an. Ngày 2 tháng chín, một biệt đội mạnh trở lại Cầu Ngang và lần này họ đã đẩy lui được địch.

Bị thất bại ở Sóc Trăng và Trà Vinh, quân nổi loạn tập trung về phía nam tỉnh Bến Tre, tụ họp quanh những người con của cụ Phan. Từ đầu tháng 11, ta đã biết có một cánh quân 300 người đóng gần Trà Ôn (tỉnh Cần Thơ). Từ ngày 9 tới ngày 17 tháng 11, một đoàn quân viễn chinh (Pháp) đã vượt đường dài tiến tới phía nam Bến Tre. Đêm ngày 16, quân chủ lực hạ trại ngoài trời gần làng Ba Tri, mở cuộc tấn công kịch liệt. Sáng ra người ta thấy hàng dài xác chết rải la liệt chỉ cách vài bước chân của quân đội Pháp. Khắp mọi phía đều có người chết kẻ bị thương. Lính bảo an thu gom được khoảng bốn chục tù binh, những kẻ đã thú nhận rằng có hơn 2 trăm quân đã bị loại khỏi vòng chiến đấu. Vì sự khoan hồng, ta đã thả những tù nhân ấy về

nhà họ. Còn những người con trai của cụ Phan thì đã biến mất kể từ khi trận chiến diễn biến bất lợi.

Quân lực chủ chốt theo lối hành quân có đi ngang qua trước nắm mộ khiêm nhường vừa mới đắp xong của cụ Phan. Một Nho sĩ đã đề chữ trên di chỉ ấy: “ Những người con trai của Phan Thanh Giản đã làm trái lệnh cha mình”². (V.A dịch).

“...Sự bất thành, hai anh em đã tỵ nạn ra Huế nơi họ bị đón tiếp rất lạnh nhạt. Không được bất cứ sự bổ dụng nào mặc dầu nhiều thời điểm có được sự tín nhiệm của Nguyễn Tri Phương - người đã đưa hai anh em theo cùng ra Bắc Kỳ năm 1873, nơi ta lại chạm trán họ trong trận Francis Garnier hạ thành Hà Nội”³ (V.A dịch).

Khác với một số đánh giá của người ngoài, nhất là của người Pháp, Phan Liêm - Phan Tôn tự bày tỏ:

“Chúng tôi Phan Tam - Phan Ngũ cúi bầm đầu đủ sự tình các việc:

Chúng tôi vốn là con trai của Phan Thanh Giản, Kinh lược đại thần ba tỉnh Vĩnh Long - An (Giang) - Hà (Tiên) của nước Đại Nam. Vào năm Ất Sửu (1865), tháng 11, thân phụ chúng tôi phụng mệnh tới ba tỉnh (ấy) nhậm Kinh lược, tiện có qua lại thương nghị với Nguyên súy Gia Định của quý quốc khiến giao hảo hai nước được bền vững lâu dài.

Đến năm Mậu Thìn (1868), tháng 5, quý Sứy bức bách ba tỉnh. Thân phụ chúng tôi thân chủ trì trách nhiệm hòa nghị (mong) giữ đất đai, nhưng mối hòa hiếu không bền, ba tỉnh mất hết, không làm hết chức trách, há đâu dám sống thừa! Tháng 7 (năm ấy, thân phụ tôi) uống độc được tự tận trong thành tỉnh Vĩnh Long.

Chúng tôi tự ngẫm đất đai trầm luân, cha chết mệnh bạc, bi ai thống thiết, lệ máu

đầm ã, không tự lượng sức, cùng nhau mộ quân nghĩa ðương ðầu với quan quân quý quốc từ tháng 9 tới tháng 11, chưa ðầy hai tháng thì ai nấy giải tán. Những người ðược tuyển mộ ðều ra ðầu thú. Chúng tôi tự biết tội mang nặng nề, không ðám ðầu thú, ðứt ðiu nhau chạy ra các ðịa phương từ Khánh Hòa, Phú Yên trở ra Bắc, ẩn ðặt kiếm sống.

Đến năm Nhâm Thân (1872) ra Bắc Kỳ, từ quân thứ Tam Tuyên tình nguyện tòng quân gương sống kiếm ăn. Kính cẩn ðược Khâm mệnh ðại thần Nguyễn Tri Phương cho ðược chân bút mực, ðược vị ðại thần ấy cấp cho chúng tôi chân Bang biện quân vụ, theo quan chức quân thứ ấy ðuổi bắt ðồ ðảng phỉ người Thanh là Hoàng Văn Anh.

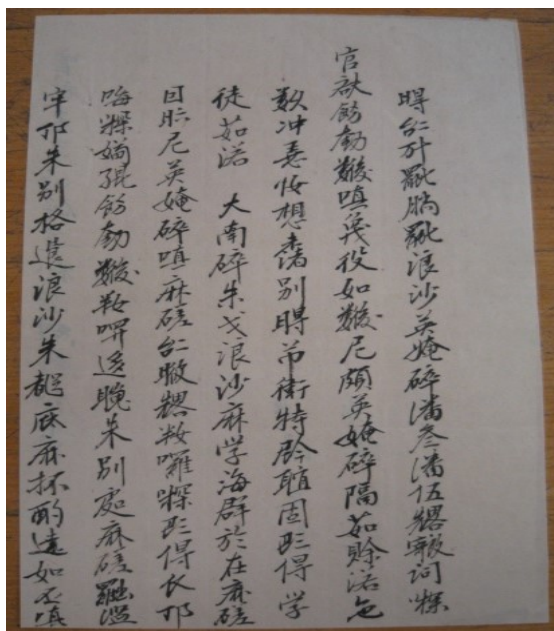
Năm ngoái, tháng 5, vị ðại thần ấy trở về ðóng quân ở thành tỉnh Hà Nội. Chúng tôi tùy tòng việc quân. Ngày mừng một tháng 10, quan chức khâm mệnh của quý quốc là quan Ba Garnier bắn hạ thành tỉnh Hà Nội. ðại thần ấy bị trọng thương, con trai ruột là quan Phò mã Đô úy Nam triều Nguyễn Văn Lâm bị ðạn bắn chết, binh lính bị thương bị chết rất nhiều. Chúng tôi riêng ngẫm vị ðại thần ấy với chúng tôi tình như cha con, nghĩa nặng thầy trò, mà nay cha con họ nhất thời gặp nạn, về nghĩa là không thể ðứt, bèn lưu lại bên giường vị ðại thần ấy, chăm lo việc cơm nước. Khi ấy thấy có một viên quan Hai, một viên quan Nhất cùng linh mục với binh ðình canh giữ ðông ðảo. Gặp cả thông ngôn Nguyễn Tham (là thương nhân, ðồng thời làm thông ngôn) tới hỏi chúng tôi có phải là con trai của Phan Thanh Giản hay không. Chúng tôi ðáp là phải. Họ liền thông dịch cho quan chức quý quốc. Không hiểu lời lẽ thế nào, lát sau thấy viên quan Nhất cùng 4 tên binh ðình mang hai

còng tay sắt bắt chúng tôi tra vào còng, giải tới Trảng Thi tỉnh Hà Nội, nơi trụ sở của quan Ba Garnier. Quan Ba sức cho giải chúng tôi ra gian nhà bên cạnh ðóng cả cùm chân giam chặt. Ngày mừng ba tháng ấy giải ði giam ở tàu hơi nước trên bến Hà Nội, rồi chuyển giao tới tàu chiến ở bến ðồ Sơn giải về Gia ðịnh. Ngày 12 tháng ấy theo sức của quý Nguyễn soái giao tàu chiến giải về quý quốc”⁴.

Có người Pháp từng thấy Phan Liêm - Phan Tôn trước ðó ở Hải Dương, ðã gặp lại một trong hai anh em ở Pháp, khi họ bị ðưa sang an trí chín tháng ở Toulon - vùng hải cảng miền Nam nước Pháp, sau ðó tới Paris và ðừng chân ở ðó một thời gian. Hai anh em ðã tự thân trải nghiệm và có những cảm nhận cá nhân về ðời sống và nền văn minh Pháp, ðã vui thích khi có thể nói vài từ tiếng Pháp nhớ ðược trong cuộc trò chuyện và ðã biết cách dùng vật dụng Âu châu nào ðó⁵. Những công văn hành chính giữa Phủ Thống ðốc Nam Kỳ, Văn phòng Bộ trưởng Các Thuộc ðịa của Pháp, Trưởng khu quân cảng⁶ Toulon trong thời gian 1873-1874-1875 còn tiết lộ thêm vài chi tiết: Theo chỉ thị của Thống ðốc Nam Kỳ, trong hành trình lưu ðày sang Pháp, hai anh em họ Phan có một người Pháp là Potteaux tháp tùng, làm phiên dịch tiếng Việt và cùng ăn ở. Chính quyền Nam kỳ dự chi cho hai anh em khoản tiền 100 francs mỗi tháng bao gồm thuê một ngôi nhà nhỏ ở nông thôn cùng chi phí sinh hoạt và chi tối ða 3.000 francs một năm trả lương cho Potteaux. Hết thấy chi phí này trích ra từ ngân sách của Nam Kỳ thuộc Pháp. Nhưng không bao lâu, người phiên dịch này ðã phản ánh qua Trưởng khu hải quân Toulon là họ không thể kham nổi cuộc sống chỉ với 100 francs hàng tháng. Thực tế, tiền thuê nhà ðã tới 120 francs một tháng, rồi phải mua quần áo ở Pháp ðể giúp

hai anh em đương đầu với thời tiết xứ hàn đới, chưa kể tiền mua thực phẩm cùng các đồ dùng khác và cả tiền sẽ phải bồi thường chủ nhà về những hư hỏng khi kỳ hạn thuê nhà kết thúc...⁷.

Trong thời gian ở Toulon, Phan Liêm - Phan Tôn từng có đơn thỉnh cầu gửi Bộ trưởng Hàng hải và Các Thuộc địa, xin đi Marseille với lý do cụ thể:



Một trang trong lá đơn bằng chữ Nôm mà Phan Liêm - Phan Tôn gửi Bộ trưởng Bộ Hải quân và Các Thuộc địa của Pháp, năm 1873
Nguồn: Lưu trữ hải ngoại Pháp

“Ngày hai mươi bảy tháng bảy Lãng Sa, anh em chúng tôi Phan Tam - Phan Ngũ trước gửi tờ thăm quan lớn sức khỏe, sau xin một việc như sau:

“Nay bề anh em tôi cách nhà xa nước đã lâu, trong lòng nhớ tưởng, chưa biết ngày nào về được. Nay nghe có ba người học đồ nhà nước Đại Nam tôi cho qua Lãng Sa mà học, hãy còn ở tại Ma Sai (Marseille). Nhân lúc này anh em tôi xin Ma Sai (Marseille) hai việc trước nửa là thăm ba người ấy đăng hỏi thăm vợ con sức khỏe; sau nửa là đi chơi cho biết xứ Ma Sai (Marseille) ra làm sao đăng cho biết cách sang Lãng Sa cho đủ để mà bắt chước theo/ 尼頗英嬌碎隔茹賒諾龜數, 冲悉怙想, 齋別得蒂術特. 倉駘固巴得学徒茹諾大南

碎朱戈浪沙麻学, 海群於在麻磋. 因昡尼英嬌碎嗔麻磋仁役, 齋婢囉啞巴得衣耶晦啞嫻猓飭劫, 齋婢囉迢睭朱別處麻磋融濫牢耶朱別格迓浪沙朱靚底麻杯酌遶...”⁸.

“Giống với thân phận nhiều người Việt bị lưu đày vì quốc sự trong hoàn cảnh nước nhà điêu đứng, hai anh em cũng từng trải cảnh: “Nay lìa quê cách đất không biết bao nhiêu dặm, quê nhà xa ngái, một lá thư cũng không dám gửi nhau, là bởi sợ trong việc văn tự sinh nhiều trở ngại khác. Vợ con chúng tôi cũng không biết chúng tôi sống chết nơi nào, ngày đêm sầu muộn héo hon, lại thêm nỗi cảnh nhà đơn hàn, không chốn nương tựa, biết vay mượn nơi đâu mà sống qua ngày, đói khát lưu ly tả sao cho

xiết (V.A dịch)/茲離鄉去土不知幾千萬里,家鄉迢遞,一札之書不敢相通,正恐文字之間多生別碍,卑等之妻子不知卑等死生何處,日夜憂愁.曷其能已加以家資寒薄,無所因依,從何丐貸以相存養,飢渴流離亦未可識”⁹.

Phan Liêm - Phan Tôn là trường hợp xuất thân cổ học, được sinh dưỡng và trưởng thành trên đất phương Nam phóng khoáng, từng sinh sống trải khắp địa bàn nước Nam và dần thân hải ngoại vì bản thân và quốc sự. Những văn bản tự sự của hai vị được bảo quản trong lưu trữ không chỉ mang giá trị công văn hành chính, mà là minh chứng cho một giai đoạn của lịch sử Nam Kỳ thuộc Pháp; còn là một phần tiểu sử - tự truyện của giới chí sĩ - trí thức cổ học nước Việt trên hành trình đối diện - tranh đấu - chất lọc và hòa nhập với sức mạnh nhiều mặt từ phương Tây.

2. Nam Kỳ trong mối liên hệ Việt-Pháp qua cuộc đời Phan Liêm - Phan Tôn

Trong những năm 1862-1868, người Pháp ở vị thế kẻ mạnh sau khi chiếm được ba tỉnh miền Đông rồi ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ, đã chủ động tuyên bố 6 tỉnh Nam kỳ của nước Đại Nam là thuộc Pháp (Cochinchine française). Những phản ứng tức thời và trường kỳ của người dân Nam Kỳ nói riêng, nhân dân Đại Nam nói chung, đã thể hiện qua nhiều phong trào kháng cự - giao tranh quân sự, bất hợp tác dân sự... Đôi câu ca dao đất Vĩnh Long còn lưu truyền chính là sự bày tỏ ý nguyện của lòng dân đương thời: “Vĩnh Long có cặp rồng vàng, Nhất Bùi Hữu Nghĩa nhì Phan tuần thần”: Bùi Hữu Nghĩa (1807-1872) tức Thủ khoa Nghĩa, người Nam Kỳ cổ học cương trực “kiến ngãi bất vi vô đồng dã”¹⁰ (thấy việc nghĩa mà không làm tức là thiếu dũng khí!); Phan tuần thần tức Phan Thanh Giản - người bề tôi tự chọn cái

chết để chứng tỏ trách nhiệm với quốc gia. Bên cạnh đó, không thể phủ nhận thành tựu cộng tác Việt - Pháp của những trí thức Nam Kỳ vượt lên quan niệm chính trị Nho học truyền thống, mà Paulus Huỳnh Tịnh Của (1830-1908), Pétrus Trương Vĩnh Ký (1837-1898), Trương Minh Ký (1855-1900) là ba trường hợp tiêu biểu.

Phan Liêm (1833-1896) - Phan Tôn (1837-1893) sống cùng thời với những học giả Nam Kỳ Tây học ấy, do bối cảnh gia tộc và cá tính thiên phú mà đường đời một khác; song, là con dân Nam Kỳ, tính cách bộc trực, can đảm thì không mấy khác. Trong thư viết ngày mừng 6 tháng Giêng âm lịch năm 1874 ký tên Phan Tam - Phan Ngũ mà hai anh em gửi “Tổng đốc Đại thần đại nhân” (có lẽ là quan chức đứng đầu tỉnh Toulon), có đoạn:

“Phàm hận giặc giúp vua, ấy là cái nghĩa khắp trong thiên hạ. Ví như có nước nào đó chiếm cứ đất đai quý quốc, thời người làm tôi con trong quý quốc cũng làm thế ấy để giữ trọn cái nghĩa tôi con! Huống chi chúng tôi là thần dân nước này, lại là con trai bậc đại thần, há đâu có thể làm ngơ mà tiếp tục ỷ dật. Từ khi trốn tránh chui lủi trong nước, đến nay đã 6 năm, không dám trở lại sinh sự ở những tỉnh thuộc đất quân hạt của quý quốc. Theo công pháp quốc tế, thiết tưởng cũng được quý quốc bao dung. Đến khi quan Ba Garnier chiếm cứ tỉnh Hà Nội, chúng tôi chưa từng kháng cự với ngài ấy, nhưng Garnier bắt giam giải về Gia Định. Mà theo công pháp quốc tế thì không có luật vượt địa phận đoạt người, Garnier có gì đến địa phận nước tôi bắt anh em chúng tôi?! Thiệt là trái với phép công bằng! Thiệt là quá ức! (V.A dịch) /夫敵愾勤王天下之通義也.譬如有何國占據貴國土地,為貴國臣子者亦當如何以全臣子之義.况卑等係本國臣僕,又是

大臣之子,豈可忽然嗣而潛.由本國逃躲經今六年不敢復回貴國管轄諸省生事,萬國公法想亦得宥于貴國.迨貴三圈唆占據河內省,卑等不曾與之抗拒而拿監解回嘉定.且公平之法,萬國所公不有越境虜人之律,而唆何故至本國土地拿卑兄弟.寔乖公平之法,甚為至抑...”¹¹.

Đương trong cảnh lưu đầy nơi xứ người, Phan Liêm - Phan Tôn vẫn không ngại nói thẳng, nói rõ sự bất bình của bản thân về việc Đại úy Francis Garnier trong khi lộng hành đánh chiếm thành Hà Nội năm 1873 đã vi phạm pháp luật quốc tế mà bắt giam hai ông ngay trên lãnh thổ Bắc Kỳ. Hai anh em đã nhấn mạnh một lần nữa mối bất bình sâu sắc này trong thư tiếp theo gửi đại quan chức Pháp, vào ngày mừng một tháng ba âm lịch năm 1874. Hơn thế nữa, trong văn thư trao đổi với đối phương, họ khẳng khái bày tỏ nguồn cơn của những hành động phản kháng người Pháp, phân tích rạch ròi tình lý, trọng nghĩa đứng về phía những ân nhân, đồng đội dù họ đã tử chiến như Tổng đốc Nguyễn Tri Phương, Phò mã Nguyễn Văn Lâm hay nhiều quan chức, binh lính khác đã bị giết, bị thương trong trận Hà Thành thất thủ năm 1873. Tương quan sức mạnh Việt - Pháp cũng được ông Ba - ông Năm nhìn thẳng, chấp nhận thế yếu của bản thân, của nước nhà, song không vì thế mà nhu nhược, buông xuôi.

“Chúng tôi cứng rắn với người Pháp, không phải là việc thích làm lũ gây loạn. Theo đường nghĩa lý là điều tất yếu. Thế mà việc quan Ba Garnier năm trước bắt chúng tôi, thật rất ức. Hai nước đương khi hòa nghị, chúng tôi không dám gây việc can rờ. Sự tình của chúng tôi [đã tường trình] đầy đủ. Quan Pháp tại Nam Kỳ lục tỉnh nắm được và những người Nam Kỳ giúp việc cho người Pháp, có quen biết chúng tôi đủ để làm chứng tin cậy rằng chúng tôi một lòng vì nước. Sau lúc ba tỉnh

(Nam Kỳ) thất thủ, trước khi hòa nghị được định, nước nhà cùng phần mộ mẹ cha bỗng chốc chìm đắm, nỗi lòng thống thiết, phần tôi con không thể không đau đầu việc kháng cự để bảo toàn đại nghĩa. Thế mà cho rằng chúng tôi là nghịch tử, lại đổ thêm cho cái danh bất chấp, rất là ức khổ. Giả như hòa nghị đã thành mà chúng tôi vẫn cứng rắn với người Pháp mới là trái với mệnh quân phụ. Chúng tôi là phận tôi con nước mình mà trái mệnh vua cha, ấy là quân phản nghịch của nước. Người người đều biết mà chê trách. Từ sau khi đào tẩu chạy đi nơi khác, đâu có khi nào trở lại đối đầu với người Pháp.

Cúi xin Đại thần đại nhân chất vấn quan Pháp và những người giúp việc ở Nam Kỳ thì việc của chúng tôi mới may mắn được làm sáng tỏ.

Còn về việc Hà Nội, chúng tôi thiết tưởng quan Ba (người Pháp) nghe hiểu chưa được chính xác đến nỗi gây ra việc khốn khổ, ấy không phải do bởi chúng tôi.

Cúi mong hai nước mãi mãi hòa hảo, cùng nhau chiêm chúc, đừng đến mức thiên lệch. Ấy là kỳ vọng của chúng tôi.

Năm Mậu Thìn (1868) chúng tôi đã đương đầu với người Pháp bởi ba tỉnh của nước nhà bị người Pháp chiếm lấy. Cha chúng tôi bỏ mạng giữ đạo, không trái mệnh làm tôi. Nỗi niềm nhân nhục ấy chúng tôi lẽ nào không biết mình đương như bọ ngựa đấu xe với người Pháp. Người Pháp ví như cỗ xe, chúng tôi tựa như bọ ngựa. Dùng sức bọ ngựa cự với xe, xe chạy ắt bọ ngựa nát nát. Nhưng bọ ngựa cố cự với xe, ấy là bọ ngựa có cái nghĩa của bọ ngựa. Trong không đầy hai tháng, (chúng tôi) phải đào thoát chạy đi nơi khác. Nay đã 6 năm không trở lại đất thuộc quyền quản hạt của người Pháp, thì gây sự và xúi giục người ta làm điều phi pháp vào lúc nào được!

Phàm đất Nam Kỳ lục tỉnh, dân du thủ du thực có nhiều, không nghĩ kế sinh nhai để nuôi thân, chỉ mưu đồ chiêu tập quần tụ đồ đảng cướp bóc kiếm ăn, mượn danh Đội, Quân, hoặc mạo xưng danh hiệu của chúng tôi để dễ bề quyền lấy của cải của dân mà kiếm sống. Còn những người giúp việc Nam Kỳ không cáo sự thực, để đến nỗi quan Pháp không thẩm tra xác thực, nghi ngờ chúng tôi xúi giục gây loạn, khiến chúng tôi trong lòng rất uất ức. Về khoản này chúng tôi thề là không có.

Cúi mong được thẩm tra thì may mắn lắm. Cha chúng tôi thường dạy chúng tôi rằng, nước Pháp thế lực cường thịnh, kỹ nghệ tinh thông, không thể dùng sức mà đấu, nên giữ bền hòa ước để học hỏi lấy sự sở trường của họ mà thôi. Lời (cha) còn ở bên tai, chúng tôi có chết cũng không dám quên. Chúng tôi có ý học theo những ích lợi thịnh vượng của người Pháp, muốn người nước mình dốc sức thực hành theo, những mong nhà nhà no đủ, ấy cũng là lâu dài. Đến nỗi sự trái với tâm, không biết làm sao, khôn xiết hối hận. Từ sau khi cha chúng tôi nuốt độc dược, hôn mê bất tỉnh cho đến khi lìa đời chưa từng dặn lại con cháu một lời nào. Chúng tôi đến nay than khóc đầy đường, nay lại cho rằng chúng tôi theo người Pháp, sợ là quan Pháp đã nghe sai, lẽ đâu có lý! Cha chúng tôi thờ vua trung trinh nhất tiết, thiên hạ đều hay. Ở trong nhà thường có giáo huấn chúng tôi thờ vua tận trung thờ cha tận hiếu, ấy là đại nhân luân. Người mà bất trung bất hiếu sao đáng làm người! Cha chúng tôi luôn luôn nhắc nhở chúng tôi giữ lòng bền chặt mà chúng tôi thường thường vâng lời cha đình ninh không quên.

Nay có lời này thì khác nào phải sạch danh vọng một đời cha tôi.

Phàm đã là phận tôi con mà khiến con hai lòng với nước nhà, thì đạo lý ở đâu!”¹² (V.A dịch).

Trong những tài liệu mà Phan Tam - Phan Ngũ ký tên, ít nhất có hai lần các ông thẳng thắn nhấn mạnh rằng phía Pháp có thể đã nghe nhầm, hiểu lầm, nhận thức sai khác về vấn đề, về sự kiện nào đó so với thực tế, hoặc so với sự tiếp nhận của người Việt. Tiêu biểu là khi đề cập tới cơn gió của sự kiện Garnier tấn công thành Hà Nội năm 1873, hai ông được nghe kể là bởi quan chức tỉnh Hà Nội không giữ đúng lễ, gây trở ngại, không kính cẩn tiếp đón quan chức Pháp. Theo hai ông, một trong số nguyên nhân là do Đại úy Garnier nghe hiểu không chính xác những thông tin trao đổi từ phía quan viên tỉnh thành Hà Nội. Sử liệu và nhiều công trình nghiên cứu về sự kiện này đã chứng minh người Pháp có tình gây hấn và phát động tấn công. Dù vậy, cũng không loại trừ một phần nhỏ của nguyên do là bởi sự không hoàn toàn hiểu nhau giữa hai bên Việt - Pháp do bất đồng với nhiều nhân tố: ngôn ngữ giao tiếp, cách thức biểu đạt, quan niệm chính trị,...

Hai người con trai của bậc chí sĩ Phan Thanh Giản đã từng trải hơn nửa cuộc đời trong bối cảnh giao thoa rất nhiều nhân tố Việt-Pháp. Không quá nệ cổ, chưa thể mạnh dạn tới tận, sự dần thân và trải nghiệm của Phan Liêm và Phan Tôn trong bối cảnh đan xen nhiều yếu tố Việt - Pháp là những bước đi vừa dò đường cho bản thân và hậu thế, vừa theo dấu của tiền nhân. Lưu giữ sâu đậm dấu ấn truyền thống đồng thời chứng kiến và trải nghiệm nhiều biến động trong thực tế, hai người con trai của nhà ái quốc Phan Thanh Giản can đảm sống trong tâm trạng vừa thấu hiểu tâm nguyện của cha mình vừa cảm thông với ý chí phản kháng của đồng bào. Như vậy, có

lẽ ngay trong khi đẩy quân chống Pháp đô hộ, hai ông cũng đã hiểu thế mạnh vượt trội của người Pháp so với binh lực của người Việt đương thời. Bối cảnh chính trị ngặt nghèo mà vị đại thần Phan Thanh Giản phải đảm nhiệm và đương đầu đã được thêm phần xác thực bởi những người con của ông. Và tới lượt mình, họ cũng không thể tránh cái thế nan giải ấy: tinh thần yêu nước biểu hiện qua con đường phản kháng bằng vũ lực và nhận thức ngày càng rõ nét về ưu thế từ phương Tây, ưu thế bao gồm cả sức mạnh quân sự và nhiều nhân tố văn hóa. Tiến trình của mối liên hệ Việt - Pháp nói riêng, Á - Âu nói chung qua trường hợp Phan Liêm - Phan Tôn được thể hiện sống động và chân thực.

Kết luận

Trong hệ thống mối liên hệ Việt - Pháp từ nửa sau thế kỷ XIX tới khi chấm dứt nền thuộc địa của Pháp ở Việt Nam, bên cạnh vị thế ngoại giao quan phương thường tồn tại những giao thiệp ở các quy mô nhỏ hơn, phi quan phương. Sự đóng góp của nhiều nguồn tài liệu - tư liệu khác nhau cho phép nhận thức rõ nét hơn và hướng tới toàn diện về các vấn đề trong quá khứ. Tài liệu về hai anh em Phan Liêm - Phan Tôn nằm trong Lưu trữ hải ngoại Pháp góp thêm một tiếng nói, một góc nhìn về nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản, về gia tộc họ Phan ở Vĩnh Long, về trách nhiệm và khả năng của trí thức cổ học trong thời đại mới. Bằng sự trung dẫn hồ sơ lưu trữ được viết bằng văn tự Hán Nôm và Pháp ngữ chuyên về Phan Liêm - Phan Tôn trong ANOM và kết hợp với những nguồn tài liệu - tư liệu khác, các tình tiết về tiểu sử của ba cha con họ Phan - ba nhà ái quốc xuất thân đất Long Hồ (thuộc tỉnh hoặc hạt Vĩnh Long kể từ triều Hoàng đế Minh Mệnh tới nay) góp phần tái hiện đầy đủ về nhân vật lịch sử và

nhận thức toàn diện về bối cảnh lịch sử đương thời. Mối quan hệ Việt-Pháp nhìn từ phương diện ngoại giao và từ góc độ lòng dân Nam Kỳ theo đó cũng được đề cập. Trường hợp hai người con của Phan Thanh Giản là thêm một minh chứng cho quá trình quyết liệt và năng động của người dân Nam Kỳ trong lịch sử tiếp nhận tư tưởng phương Tây vào Việt Nam./.

V.A

Chú thích và tài liệu tham khảo

1. ANOM: Indo.AF.A.50 (2), nguyên bản Hán Nôm.

2. Alfred Schreiner, *Abrégé de l'histoire d'Annam*, In lần 2: Sài Gòn: Chez l'Auteur, 1906, tr.293.

Nguyên văn : “Dès le mois d’août, l’administration fut prévenue du soulèvement qu’ils projetaient.... Des symptômes d’agitation commençaient à poindre sur tout le territoire. Une première bande qui apparut dans la région de Bến Tre fut mise en fuite. Des arrestation eurent lieu, mais déjà les fils de Phan Thanh Giản avaient disparu de leur village. D’un autre côté, et peu de jours avant (5 août), l’inspecteur de Sóc Trăng, capitaine Bertaux-Levillain, avait eu maille à partir avec une bande de pirates. Une vingtaine de jours après cette affaire, le 26 août, ce fut au marché de Cầu ngan (prov. de Trà Vinh) qu’il fallut entrer en lutte avec trois cents rebelles. L’ennemi eut dix-huit tués, mais les forces étant trop inégales, les Français durent se retirer ayant perdu eux-mêmes un caporal et trois miliciens. Le 2 septembre, un fort détachement revint à Cầu Ngan et, cette fois, refoula l’ennemi.

Battus à Sóc Trăng et à Trà Vinh, les rebelles se concentrèrent au Sud de l’arrondissement de Bến Tre, se groupant autour des fils de Phan Thanh Giản. Au commencement de novembre, on apprit qu’une bande de 300 hommes se tenait près de Trà Ôn (prov. de Cần Thơ). Du 9 au 17 novembre, une expédition parcourut le pays au Sud de Bến Tre. Dans la nuit du 16, la colonne

bivouaquant près du village de Ba Tri, fut attaquée avec beaucoup d'anarchement. Au jour, on put voir une ligne de cadavres gisant jusques à quelques pas des Français. Dans toutes les directions on trouva des morts et des blessés. Les miliciens ramenèrent une quarantaine de prisonniers qui avouèrent avoir eu plus de deux cents hommes hors de combat. Usant de clémence, on renvoya ces gens chez eux. Quant aux fils de Phan Thanh Giản, dès que le combat eut pris mauvaise tournure, ils disparurent.

La colonne, poursuivant sa route, passa devant l'humble tombe de Phan Thanh Giản à peine terminée. Un lettré écrivit au pinceau sur la face antérieure du monument : "Les fils de Phan Thanh Giản ont désobéi aux ordres de leur père".

3. Alfred Schreiner, *sđđ*, tr.292.

Nguyên văn: "...il dirigèrent la révolte et, leur coup manqué, se réfugièrent à Huế où ils furent très froidement reçus. Ils obtinrent aucun emploi malgré les instantes démarches de Nguyễn Tri Phương, qui les emmena avec lui au Tonkin en 1873, où nous les retrouvons à la prise de Hà Nội par Francis Garnier".

4. Nguyên văn: "卑潘參潘伍等叩稟為具稟。事緣卑等原大南永隆安河三省經略大臣潘清簡之子，於乙丑年拾壹月日卑父奉往該三省經略，便與貴國嘉定元帥往來商籌以敦永好。至戊辰年五月日貴帥逼脅該三省。卑父身主和議復有守土之責，而和好不堅，三省全失，不盡所職，豈可偷生。柒月日於永隆省城中仰毒自盡。卑等自念土地淪亡，父歿非命，悲哀逼切，泣血彌深，不自揣量，相與募勇圖拒貴國官軍，自九月至十月不二月間隋即罷散。其從募人等各聽出首。卑等自知負罪深重，不敢出首，相携逃往本國慶和，富安以北諸地方，潛隱生理。至壬申年往北圻，由三宣軍次情願從軍資糧糊口，承欽命大臣阮知方許充詞翰，嗣承該大臣憑給卑等擲辦軍務，從該次官剿捕清匪之黃文英等諸股匪。去年五月日該大臣回駐河內省城，卑等隨從公務。十月初一日貴國欽命三圍官凌嘯射陷河內省城，該大臣被重傷，親

子本國駙馬都尉官阮文林被射斃，兵弁傷死多數。卑等切念該大臣與卑等情如父子，義重師生，而該父子一辰被難，義不可去，相與馳就該大臣卧所看視湯餅。此辰見有貴二圍官一員一圍官一員並靈牧一在坐，兵丁更守多數。適見通言阮參為商人都配通言抵到問卑等是潘清簡之子否。卑等答是。該即向貴官員通說不曉何語。頃間接見貴一圍官並兵丁四名將手鐵梏子二件拿卑等加手梏解就河內省試場貴三圍官凌嘯住所。三圍官飭解就旁舍，加足桎嚴監。是月初三日解監住河內津次火船，再轉交往塗山汛戰船解回嘉定。是月十二日承貴元帥飭交戰船解回貴國".

5. Cochinchine française, *Excursions et Reconnaissances*, N.16, Sài Gòn : Imprimerie du Gouvernement, 1883, tr.92

6. Nguyên văn: "Préfet maritime", được dịch là "Hải Phòng Phủ doãn quan" theo P. J-B. Trương Vĩnh Ký, *Dictionnaire français-annamite*, Sài Gòn : Imprimerie de la Mission, Tân Định, 1885, tr.947. ; hoặc "quan đốc đoàn tàu" theo Pierre Gabriel Vallot, *Dictionnaire franco-tonkinois illustré*, Hà Nội : F.H.Shneider, 1898, tr.285.

7. ANOM: Indo.AF.A.50 (2), nguyên bản Pháp văn.

8. ANOM: Indo.AF.A.50 (2), nguyên bản chữ Nôm.

9. ANOM: Indo.AF.A.50 (2), nguyên bản Hán Nôm.

10. Nguyên văn: Khổng Tử, *Luận ngữ* 論語, thiên "Vi chính" 為政 có câu: "Kiến nghĩa bất vi, vô dũng dã 見義不為, 無勇也. Trong chính văn, câu này được phiên âm theo phương ngữ miền Nam Việt Nam.

11. ANOM: Indo.AF.A.50 (2), nguyên bản Hán Nôm.

12. ANOM: Indo.AF.A.50 (2), nguyên bản Hán Nôm.

卑等之與浪沙為梗者非是喜亂之徒，揆之義理不得不然。乃三圍官凌嘯記卑等年前之事而拿卑等甚抑。其兩國當今和議如何，卑等不敢妄道。頗卑等事情，其有浪沙官之在南圻六省辦事

者並南圻人之助事于浪沙與卑等曾相慣識者...聞知足為信証卑等一心為國.當三省失守之後,和議未定之先,家鄉墳墓父母之邦一辰淪陷,痛切于心.臣子之分不得不思抗拒以全大義;而謂卑等為逆加以不執之名甚苦抑.倘當和議已成而卑等猶與浪沙為梗是逆君父之命也.卑等為本國臣子而違君父之命則本國之叛逆也,人人皆得而誅.嗣而逃別既去之後更有何辰復與浪沙為梗如何.伏請大臣大人質諸浪沙官並南圻助事人等則卑等之心幸得明矣.

至如河內之事,卑等竊想三圉官聽聞未得其確以致惹起困苦之事耳,非由卑等也.伏請兩國永敦和好,兩相與斟酌不至偏虧,是卑等之大願也.

於戊辰年卑等之與浪沙為梗也,為本國內三省為浪沙逼取.卑等嚴父殞于非命,臣子之道其忍翹然.卑等夫豈不知已於浪沙猶螳螂之於車也.浪沙譬如車也,卑等猶螳也,以螳螂之力而拒車,車行則螳碎矣.然螳而故拒車者螳有之義也.不二月間便自逃別,迄今六年不復回浪沙六省管轄,生事並嗾人為非何辰.夫南圻六省之民游手游食者多,不思生計以養其口,只圖招群聚夥抄掠為生,言託為隊管之名或冒卑等名号以易捐取人財以為養活之計.而南圻助事人等不以寔告,以致浪沙官不審其鷹的情,遞疑卑等,嗾使卑等心甚抱抑.這款卑等誓其不有也.

伏祈審察幸甚.卑等嚴父平日常訓卑等云浪沙勢力強盛,技藝精工,不可與之力敵,宜敦守和約以效其長而已.言猶在耳,卑等死不敢忘也.卑等有意效浪沙盛利益之法,欲本國之

人悉力而行之期于家給人足亦已久矣.第以事與心違,無可奈何,心竊悔恨以至於今.

卑等嚴父自服毒之後,沈昏不醒,以至於終不曾遺飭子姪一語.卑等至今道及聲淚皆下如.至使卑等從浪沙竊恐浪沙官聽聞之差也,豈有是理.卑父之事君也忠貞一節,天下共知,居家訓飭.卑等事君盡忠,事父盡孝,此人之大倫也.人而不忠不孝烏得為人.此卑父常惇[.]于卑等而卑等之奉服膺永矢弗忘也.及今而有此語則卑等嚴父平生名望掃地盡矣.夫已為人之臣子而使其子貳於其國有是理乎.

13. Lưu trữ hải ngoại Pháp: ANOM: GGI.23400, Indo.AF.A.50 (2).

14. 《大南正編列傳二集》。卷二十六。潘清簡傳, tr.22-39.

15. 《大南正編列傳二集》。卷二十三。阮知方傳, tr.17-18.

16. Nguyễn Thế Anh, “Phan Thanh Giản dưới mắt người Pháp qua vài tài liệu”, trong *Tập san Sử Địa*, N^o.7-8 (1967); Sài Gòn: nhà sách Khai Trí, tr.22-34.

17. “La mission Paul Bert”, báo *Le Gaulois*, thứ Hai 19/07/1886, tr.2.

18. “Huế”, báo *L'Extrême-Orient*, 12/11/1896, tr.3.

19. Alfres Schreiner (1906), *Abrégé de l'histoire d'Annam*, In lần 2: Sài Gòn: Chez l'Auteur, tr.292.

20. *Vĩnh Long nhơn-vật-chí* (1925), Vĩnh Long Tương-Tế-Hội, In lần thứ nhứt: Sài Gòn: Imprimerie J.VIÊT.